

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP  
THIÊN THÁI**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP THIÊN THÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN THAI GENERAL SERVICE AND TRADING IMPORT - EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THIEN THAI IMPORT - EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106902791

**3. Ngày thành lập:** 15/07/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 23,24, lô B, phố Nguyễn Khả Trạc, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936363189

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2720     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2733     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) | 5510     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh hóa chất (Trừ hoá chất Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                        | 4669     |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                           | 4719     |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                          | 4721     |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722     |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                             | 4723     |
| 9.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                        | 4724     |
| 10. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                | 4753     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                               | 4759 |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761 |
| 13. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4772 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5621 |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5629 |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 18. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng tất cả các loại nhà ở như:<br>+ Nhà cho một hộ gia đình,<br>+ Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.<br>- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:<br>+ Nhà dành cho sản xuất công nghiệp, ví dụ các nhà máy, công trường, phân xưởng lắp ráp...<br>+ Bệnh viện, trường học các khu văn phòng,<br>+ Khách sạn, cửa hàng, các dãy nhà hàng, cửa hàng ăn,<br>+ Nhà của sân bay,<br>+ Các khu thể thao trong nhà,<br>+ Gara bao gồm cả gara ngầm,<br>+ Kho hàng,<br>+ Các toà nhà dành cho tôn giáo.<br>- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;<br>- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại. | 4100 |
| 19. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4220 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:</li> <li>+ Các nhà máy lọc dầu,</li> <li>+ Các xưởng hoá chất,</li> <li>- Xây dựng công trình cửa như:</li> <li>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống</li> <li>+ Đập và đê.</li> <li>- Xây dựng đường hầm ;</li> <li>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.</li> </ul>                                                                                                                  | 4290 |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 23. | <p>Lắp đặt hệ thống điện</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây dẫn và thiết bị điện,</li> <li>+ Đường dây thông tin liên lạc,</li> <li>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,</li> <li>+ Đèn vệ tinh,</li> <li>+ Hệ thống chiếu sáng,</li> <li>+ Chuông báo cháy,</li> <li>+ Hệ thống báo động chống trộm,</li> <li>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,</li> <li>+ Đèn trên đường băng sân bay.</li> </ul>                                                                                                                                                                          | 4321 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 25. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :</li> <li>+ Thang máy, cầu thang tự động,</li> <li>+ Các loại cửa tự động,</li> <li>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.</li> </ul> | 4329 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời ;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà ;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> <p>q</p> | 4390        |
| 28. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610(Chính) |
| 29. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659                                                                |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4789                                                                |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230                                                                |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299                                                                |
| 34. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8510                                                                |
| 35. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8551                                                                |
| 36. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8552                                                                |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8560                                                                |
| 38. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310                                                                |
| 39. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: KIỀU NGỌC YÊN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111773612

Ngày cấp: 31/03/2008

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, thôn Triều Đông, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3, ngõ 176, phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: KIỀU NGỌC YÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 19/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111773612

Ngày cấp: 31/03/2008

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Đội 1, thôn Triều Đông, Xã Cổ Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 3, ngõ 176, phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội